

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 38 /2026/DS-ST
Ngày: 09 - 6 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bình

Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đình Nam Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2026/QĐST –DS ngày 21 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ánh L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ H, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Lê Hồng K, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số C, đường số C, Tổ B, thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng B, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số B, đường L, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Bùi Ngọc H**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: **Số B, đường L, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng**.

+ Ông **Phạm T**, sinh năm 1969. Nơi cư trú: **Tổ H, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng**.

Tại phiên tòa: Có mặt ông **Lê Hồng K**, bà **Lê Thị Hồng B**; Vắng mặt bà **Trương Thị Ánh L** nhưng có người đại diện theo ủy quyền; Vắng mặt ông **Bùi Ngọc H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Vắng mặt ông **Phạm T** không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, các bản khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Lê Hồng K** có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà **Trương Thị Ánh L** và bà **Lê Thị Hồng B** là chỗ quen biết, bà **L** có cho bà **B** vay tiền nhiều lần, những khoản vay khác đã được Tòa án giải quyết tại bản án số 43/2025/QĐST-DS ngày 20/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng, hiện nay còn một khoản vay chưa được giải quyết, cụ thể như sau:

Ngày 05/8/2024, bà **L** cho bà **B** mượn số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), hình thức giao tiền là tiền mặt, nguyên đơn trực tiếp đưa cho bị đơn tại quán cà phê, khi đưa tiền không có ai chứng kiến. Khi vay bị đơn có nói mượn tạm vài ngày, không thỏa thuận lãi suất. Khi cho vay bà **L** có nhắn tin zalo cho bà **B** để xác nhận. Việc nhắn tin này đã được bà **L** lập vi bằng, cụ thể tại trang số 10 trong Vi bằng số 29/2025/VBTPLĐL ngày 03/9/2025 có đoạn tin nhắn chứa đoạn hội thoại giữa bà **L** và bà **B** thể hiện về việc bà **L** cho bà **B** vay số tiền 60.000.000 đồng. Ngày 05/8/2024 bà **L** nhắn “nsy 5 tháng 8 dl e mượn chị 60 triệu”, đến ngày 23/8/2025 bị đơn nhắn lại “Da chi”. Như vậy bị đơn đã xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng)

Nguyên đơn xác định từ ngày 05/8/2024 đến ngày 30/11/2024, giữa bà **L** và bà **B** không phát sinh khoản vay nào khác. Tại Vi bằng số 29/2025/VBTPLĐL

ngày 03/9/2025 có thể hiện bà B có nhờ ông **Điền Hòa Bảo Q** chuyển trả cho bà L thay cho bà B số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nguyên đơn cho rằng số tiền này đã được giải quyết trong bản án số 43/2025/QĐST-DS ngày 20/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng, do đó xác định số tiền 20.000.000 đồng này không liên quan đến nội dung vụ án này.

Khi khởi kiện bà B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản tại vụ án thụ lý số 149/2025 ngày 9/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng) thì đơn khởi kiện ban đầu bà L không kiện số tiền nợ 60.000.000 đồng vay vào ngày 05/8/2024, do bà B hứa khoản tiền này bà B sẽ trả dần cho bà L nên bà L không khởi kiện, sau đó bà B không trả được nên bà L khởi kiện bổ sung, bà L có nộp đơn khởi kiện bổ sung trực tiếp cho Thẩm phán nhưng Thẩm phán từ chối tiếp nhận và không thụ lý bổ sung, việc nộp đơn khởi kiện bổ sung khoản vay 60.000.000 đồng thì hiện nay bà L không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Sau khi đến hạn trả tiền thì bà L đã nhiều lần yêu cầu bà B trả tiền nhưng bà B không trả, nhận thấy quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm nên nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Lê Thị Hồng B** và ông **Bùi Ngọc H** liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Khi làm đơn khởi kiện bà L nhớ nhầm là đã chuyển khoản cho bà B số tiền 60.000.000 đồng cho bà B, nên tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi “Tôi **Trương Thị Ánh L** có chuyển khoản cho bà B mượn số tiền 60.000.000 đồng”. Sau đó, bà L kiểm tra sao kê tại Ngân hàng thì phát hiện không có số tiền chuyển cho bà B nên nguyên đơn mới phát hiện nguyên đơn nhớ nhầm. Tại phiên tòa ông K xác định bà L cho bà B mượn số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), hình thức giao tiền là tiền mặt, bà L đưa tiền trực tiếp cho bị đơn tại quán cà phê, khi đưa tiền có bà L1 là bạn của bà L chứng kiến. Thời hạn vay tiền là 6 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu bà **Lê Thị Hồng B** và ông **Bùi Ngọc H** liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 Vi bằng số 29/2025/VBTPLĐL do Văn phòng T1 lập ngày 03/9/2025.

Theo các lời khai của bị đơn bà Lê Thị Hồng B có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Bà và bà Trương Thị Ánh L là chị em chơi chung. Trước đây bà có vay của bà L 2 lần cụ thể: Ngày 8/5/2024 vay của bà L số tiền 36.000.000 đồng; Ngày 05/8/2024 vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà vay của bà L là 86.000.000 đồng. Số tiền nợ này đã được giải quyết tại bản án số 43/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng, trong bản án đã quyết định buộc bà phải trả cho bà L số tiền 62.000.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên đến nay bà B chưa trả nợ được cho bà L.

Bà có sử dụng tài khoản zalo đăng ký số điện thoại 0856.399.979, tên zalo "bach le". Trong vụ án này bà L lại tiếp tục khởi kiện bà yêu cầu bà trả số tiền vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) vay ngày 05/8/2024 theo nội dung tin nhắn được thể hiện tại Vi bằng thì bà không đồng ý, vì:

- Ngày 05/8/2024 bà vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng theo giấy viết tay mà bà đã viết cho bà L, giấy nợ được lưu trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 149/2025/TLST-DS ngày 09/5/2025 và đã được xét xử tại bản án số 43/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng. Bà khẳng định ngày 05/8/2024 bà không vay thêm bất kỳ khoản vay nào của bà L.

- Đối với nội dung tin nhắn mà bà L cung cấp có trong Vi bằng: Tại trang 10 vi bằng có đoạn hội thoại thể hiện ngày 05/8/2024 bà L nhắn "nsy 5 tháng 8 dl em mượn chị 60 triệu", đến ngày 23/8/2024 có đoạn tin nhắn của bà "Da chi". Theo bà, việc bà L căn cứ vào đoạn tin nhắn này để khởi kiện bà là hoàn toàn không có căn cứ, nội dung tin nhắn của bà L không rõ ràng và dòng chữ "Da chi" của bà cách ngày bà L nhắn tin một thời gian xa, dòng chữ "Da chi" không thể hiện cho việc bà B xác nhận bà có nợ bà L số tiền 60.000.000 đồng. Do điện thoại của bà bị hư phải mua điện thoại mới nên các đoạn hội thoại của bà B và bà L đã mất hết. Bà khẳng định đoạn hội thoại này là do bà L cố tình cắt ghép, xóa tin nhắn để vu khống bà.

- Khi vay tiền bà L luôn yêu cầu bà phải viết giấy nợ cụ thể là bà đã viết giấy vay ngày 5/8/2024 và ngày 8/5/2024, không có lý do gì để bà L đưa tiền cho bà mà không bắt bà phải viết giấy vay.

- Trong vụ án thụ lý số 149/2025/TLST-DS ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh (nay là Tòa án nhân dân khu vực **A - Lâm Đồng**) tại sao bà **L** không khởi kiện bà về số nợ 60.000.000 đồng mà để đến nay mới khởi kiện là có sự uẩn khúc, vì bà **L** nói bà **B** vay thời hạn 2 ngày thì đến khi thụ lý vụ án 149/2025/TLST-DS ngày 09/5/2025 là bà đã vi phạm nghĩa vụ nhưng bà **L** vẫn không kiện.

- Bà **L** không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bà có nhận của bà **L** số tiền 60.000.000 đồng theo như bà **L** trình bày, đồng thời trong đơn khởi kiện bà **L** nêu đã chuyển khoản cho bà số tiền 60.000.000 đồng, vậy bà yêu cầu nguyên đơn cung cấp bảng sao kê chuyển tiền, nếu đưa tiền mặt thì yêu cầu cung cấp chứng cứ thể hiện đã giao tiền cho bà.

- Tại trang số 10 vi bằng có nhiều đoạn hội thoại thể hiện bà có nhắn chữ "Da chi", cụ thể như ngày 10/7/2024 bà nhắn "Da chi", ngày 20/7/2024 bà nhắn "Da chi". Thực tế bà và bà **L** hay nhắn tin về việc đánh số đề, sau khi bà **L** chốt số, chốt số tiền chơi thì bà nhắn "Da chi", nhưng bà **L** đã xóa hết các tin nhắn liên quan đến việc chơi số đề giữa bà và bà **L**. Do đó có thể thấy tin nhắn ngày 23/8/2024 không phải là đoạn hội thoại nối tiếp nhằm khẳng định bà vay của bà **L** số tiền 60.000.000 đồng mà là đoạn hội thoại được xóa và ghép lại giữa các đoạn tin nhắn.

*Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Bùi Ngọc H**:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa; Ngày 22/4/2026 ông **Bùi Ngọc H** có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn ông **H** trình bày: *“Tôi đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 1/4/2026, quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng. Tuy nhiên ngày 20/5/2026 tôi bận công việc, do đó tôi không thể tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Nay tôi làm đơn này đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tôi. Tôi xác định tôi không liên quan đến việc vợ tôi bà **Lê Thị Hồng B** vay tiền của bà **Trương Thị Ánh L**”*

*Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Tươi** :*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia

phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng nghĩa vụ liên quan ông **Phạm T** không có ý kiến phản đối, cũng không có tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự

- **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào vi bằng, bản án số 43/2025/DS-ST ngày 30/09/2025, lời khai của các bên, nhận thấy:

Bà **Trương Thị Ánh L** cho rằng ngày 05/08/2024 bà cho bà **Lê Thị Hồng B** vay tiền với số tiền 60 triệu đưa tiền mặt và xác nhận qua tin nhắn là Nsy 5 tháng 8 đi em mượn chỉ 60 triệu theo tin nhắn của vi bằng là tin nhắn được nhắn vào ngày 05/08/2024 đến ngày 23/8/2024 bà **Bạch N** lại: đa chi. Tại bản ghi lời khai ngày 19/3/2026. Đại diện của nguyên đơn cho rằng: Nguyên đơn xác định ngày 05/8/2024 nguyên đơn chỉ cho bà **B** vay số tiền 60.000.000 đồng theo nội dung tin nhắn trong Zalo và đã được lập vi bằng, ngoài ra ngày 05/8/2024 nguyên đơn không cho bị đơn vay khoản tiền nào khác. Tuy nhiên tại Bản án số 43/2025/DS-ST ngày 30/09/2025 thể hiện bà **L** cho bà **B** vay 50 triệu đồng có viết giấy vay mượn.

Bà **Thị Hồng B** cho rằng: Tại trang số 10 vi bằng có nhiều đoạn hội thoại thể hiện tôi có nhấn chữ "Da chi", cụ thể như ngày 10/7/2024 tôi nhấn "Da chi", ngày 20/7/2024 tôi nhấn "Da chi". Thực tế tôi và bà **L** hay nhắn tin về việc đánh số đề, sau khi bà **L** chốt số, chốt số tiền chơi thì tôi nhấn "Da chi" nhưng bà **L** đã xóa hết các tin nhắn liên quan đến việc chơi số đề giữa tôi và bà **L**. Do đó có thể thấy tin nhắn ngày 23/8/2024 không phải là đoạn hội thoại nối tiếp nhằm khẳng định tôi vay của bà **L** số tiền 60.000.000 đồng mà là đoạn hội thoại được xóa và ghép lại giữa các đoạn tin nhắn.

Do đó, không có cơ sở xác định ngày 05/08/2024 bà **Trương Thị Ánh L** cho bà **Lê Thị Hồng B** vay 60 triệu đồng.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 280, Điều 357, Điều 463, và Điều 470 BLDS năm 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 quy định về lãi, lãi suất của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bác yêu cầu khởi kiện của bà **Trương Thị Ánh L** đối với yêu cầu bà **Lê Thị Hồng B** trả 60 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà **Lê Thị Hồng B** hiện cư trú tại **thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng** nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng theo **khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**. Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Tòa án năm 2025;

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, quá trình làm việc tại Tòa án, xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo **khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ Luật dân sự 2015**.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt bà **Trương Thị Ánh L** nhưng có người đại diện theo ủy quyền; Vắng mặt ông **Phạm T** không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Vắng mặt ông **Bùi Ngọc H** có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 22/4/2026. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà **L**, ông **T**, ông **H** là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Tại đơn khởi kiện lập ngày 22/8/2025 bà **Trương Thị Ánh L** khởi kiện yêu cầu bà **B** và ông **Bùi H** (sau này đính chính là ông **Bùi Ngọc H**) liên đới trả cho bà **L** số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[4.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 Vi bằng số 29/2025/VBTPLĐL ngày 03/9/2025 của **Văn phòng T1**. Trong vi bằng có chụp lại 01 số hình ảnh được nguyên đơn cho là tin nhắn giữa bà **L** và bà **B**, trong đó tại trang số 10 có hình ảnh thể hiện đoạn tin nhắn thể hiện vào lúc 16 giờ 32 phút ngày 05/8/2024 bà **L** nhắn "nsy 5 thang 8 dl em mượn chị 60 triệu", phía dưới cùng trong ảnh có đoạn tin nhắn thể hiện vào lúc 12 giờ 28 phút ngày 23/8/2024 bà **B** nhắn "Da chi". Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ căn cứ vào nội dung tin nhắn trong Vi bằng số 29 để chứng minh cho quá trình vay mượn số tiền 60.000.000 đồng giữa nguyên đơn và bị đơn, ngoài ra nguyên đơn không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

[4.3] Tại trang số 01 của Vi bằng số 29/2025/VBTPLĐL lập ngày 03/9/2025 thể hiện nội dung việc lập Vi bằng là để "*Ghi nhận hành vi, sự kiện trích xuất nội dung tin nhắn trong ứng dụng Zalo trên điện thoại di động nhãn hiệu "iPhone", tên máy "iPhone 14 Pro Max", số máy MQ9P3VN/A, số sê ri JX2W100VH0, IMEI 359265389367588, IMEI 2 số 35926538853691 để ghi nhận nội dung tin nhắn, tài khoản gửi/nhận tin nhắn, thời gian gửi/nhận tin nhắn giữa tài khoản có tên là "L", số điện thoại "0384890879" của bà Trương Thị Ánh L, và tài khoản có tên là "bach le", số điện thoại "0856399979" của bà Lê Thị Hồng B, tại văn phòng T1, số E đường C, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng*". Như vậy, Vi bằng số 29 chỉ ghi nhận

lại quá trình trích xuất tin nhắn trong ứng dụng Zalo trên điện thoại của bà **Trương Thị Ánh L**, không ghi nhận lại diễn biến nhắn tin cũng như không ghi nhận nội dung giao dịch vay tiền giữa bà **L** và bà **B**.

[4.4] Tại đơn khởi kiện lập ngày 22/8/2025 nguyên đơn trình bày “Ngày 05/8/2024 thông qua zalo của bà **Lê Thị Hồng B** tôi **Trương Thị Ánh L** có chuyển khoản cho bà **B** mượn số tiền 60.000.000 đồng. Đến ngày 23/8/2024 bà **Lê Thị Hồng B** có nhắn tin “ Da chi” nhưng số tiền đó đến nay bà **B** vẫn chưa trả cho tôi”. Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 16/01/2026 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Lê Hồng K** khai: Ngày 5/8/2024 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 60.000.000 đồng, khi vay không lập giấy vay tiền, do là chỗ chị em quen biết bị đơn nói mượn tạm vài ngày nên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn viết giấy vay. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận việc vay tiền tại quán C thuộc thôn V, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi thỏa thuận việc vay tiền thì nguyên đơn đưa cho bị đơn số tiền 60.000.000 đồng. Đưa bằng tiền mặt và nguyên đơn đưa trực tiếp cho bị đơn. Việc nguyên đơn đưa tiền cho bị đơn thì không có ai chứng kiến, cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đưa tiền”. Tại biên bản hòa giải lập ngày 19/3/2026 ông **Lê Hồng K** xác định khoản vay 60.000.000 đồng được thỏa thuận trả theo ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, trả trong vòng 100 ngày, tại phiên tòa ông **K** xác định khoản vay có thời hạn 6 tháng. Mặc dù, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định khi làm đơn khởi kiện do nguyên đơn nhầm lẫn nên ghi nhầm phương thức giao tiền là chuyển khoản, nhưng Hội đồng xét xử vẫn đánh giá lời khai về phương thức giao tiền, thời hạn cho vay và phương thức thanh toán của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án có sự bất nhất.

[4.5] Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 16/01/2026 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Lê Hồng K** cũng khai: Ngày 5/8/2024 bà **L** không cho bà **B** vay khoản tiền nào khác ngoài khoản vay 60.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên, tại vụ án thụ lý số 149/2025/TLST-DS ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng) bà **Trương Thị Ánh L** khởi kiện yêu cầu bà **Lê Thị Hồng B** phải trả số tiền vay 50.000.000 đồng theo giấy vay lập ngày 5/8/2024. Nội dung này đã được ghi nhận tại bản án số 43/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng và đồng thời được ông **K** và bà **B** thống nhất tại phiên tòa, do đó việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ngày 5/8/2024 chỉ cho bà **B** vay số tiền

60.000.000 đồng thông qua tin nhắn Zalo là không chính xác. Đồng thời, cùng một ngày 05/8/2024 bà **L** cho bà **B** vay 02 khoản tiền, nhưng chỉ yêu cầu viết giấy vay đối với 01 khoản vay, khoản vay còn lại không yêu cầu viết giấy là không phù hợp với diễn biến thực tế mà nguyên đơn cho rằng vì là chỗ chị em quen biết nên tin tưởng cho vay không yêu cầu viết giấy..

[4.6] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không chứng minh được việc đã giao cho bị đơn số tiền 60.000.000 đồng theo nội dung tin nhắn trên zalo ngày 5/8/2024.

[4.7] Tại trang 10 Vi bằng số 29 có đoạn hội thoại thể hiện ngày 05/8/2024 bà **L** nhắn "nsy 5 tháng 8 dl em mượn chị 60 triệu", đến ngày 23/8/2024 có đoạn tin nhắn của bà **B** thể hiện nội dung "Da chi". Cũng tại trang số 10 Vi bằng số 29 có nhiều đoạn hội thoại thể hiện bà **B** có nhắn chữ "Da chi", cụ thể như ngày 10/7/2024 bà **B** nhắn "Da chi", ngày 20/7/2024 bà **B** nhắn "Da chi", cùng trong ngày không có nội dung tin nhắn gì khác. Như vậy, có thể thấy được đoạn hội thoại giữa bà **L** và bà **B** không phải là sự liên tiếp về mặt nội dung. Đồng thời tin nhắn "nsy 5 tháng 8 dl em mượn chị 60 triệu" của bà **L** được nhắn vào ngày 05/8/2024, nhưng đến ngày 23/8/2024 bà **B** mới trả lời tin nhắn "Da chi" mà nguyên đơn không có động thái nhắn tin, gọi điện tác động là không hợp lý.

Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **Lê Thị Hồng B** và ông **Bùi Ngọc H** phải liên đới trả cho vợ chồng bà **Trương Thị Ánh L** số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của **Kiểm Sát V** về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nội dung vụ án.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên cần buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của Pháp Luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, các khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung; Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025;

- Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- **Khoản 1, 3 Điều 26 Nghị** quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà **Lê Thị Hồng B** và ông **Bùi Ngọc H** trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

Bà **Trương Thị Ánh L** phải nộp 3.000.000 đồng án phí dân sự nhưng được trừ vào số tiền **1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn đồng)** tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa **án số 0009884, ngày 04/12/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng.** Bà **Trương Thị Ánh L** còn phải **nộp 1.500.000 đồng.**

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/6/2026) để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 17 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CCTHADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THAKV 17 – Lâm Đồng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Vân